

CÔNG TÁC GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO TRƯỜNG HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG

PHẠM ĐÌNH MAI PHƯƠNG
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Nhận bài ngày 4/10/2025. Sửa chữa xong 6/11/2025. Duyệt đăng 08/11/2025.

Abstract

This study provides a comprehensive assessment of the current state of Physical Education (PE) and school sports at Hong Bang International University (HIU). The analysis focuses on key components, including the condition of facilities and technical equipment for PE activities, the qualifications and performance of PE instructors, the structure and content of the existing PE curriculum, students' motivations and needs regarding sports participation and physical training, their overall physical fitness levels, and their academic outcomes in PE courses. The findings serve as an empirical basis for proposing targeted solutions aimed at improving the quality of PE for HIU students, thereby contributing to the enhancement of the university's overall PE program effectiveness.

Keywords: Physical education, school sports, current situation, students, Hong Bang International University (HIU).

1. Đặt vấn đề

“Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất (GDTC) và thể thao trường học nhằm tăng cường sức khỏe, phát triển thể lực toàn diện, trang bị kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản và hình thành thói quen tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên cho trẻ em, học sinh (HS), sinh viên (SV); gắn GDTC, thể thao trường học với giáo dục ý chí, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống” [8].

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/12/2013 về các nhiệm vụ và giải pháp “Xây dựng và thực hiện Đề án phát triển tổng thể phát triển GDTC và thể thao trường học. Thực hiện tốt GDTC theo chương trình nội khóa, phát triển mạnh hoạt động thể thao của HS, SV. Đổi mới chương trình và phương pháp GDTC; gắn GDTC với ý chí, đạo đức, giáo dục quốc phòng, giáo dục sức khỏe và kỹ năng sống của HS, SV mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên thể dục cho trường học” [1].

Thực hiện theo Nghị định số 11/2015/NĐ/CP ngày 31/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về “Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường” [5]. Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU) từng là một trong những trường ngoài công lập đầu tiên có Khoa Thể dục thể thao (TDTT) và có đào tạo chuyên ngành GDTC, có phòng trào TDTT tương đối mạnh, đạt nhiều thành tích cao tại các giải đấu trong và ngoài nước ở các môn: Vovinam, Bóng đá Futsal, Bóng chuyền, Điền kinh... Bên cạnh đó, các câu lạc bộ TDTT tự chọn của Trường rất phong phú và đa dạng với các môn học: Vovinam, Taekwondo, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông,... Tuy nhiên vài năm trở lại đây, phong trào TDTT tại HIU đang có chiều hướng giảm sút vì số lượng SV chuyên ngành giảm đi đáng kể, SV không chuyên thì lại có thái độ thờ ơ với môn học GDTC. Vẫn còn nhiều SV chưa đáp ứng được yêu cầu về thể chất, học để đối phó, một số đăng ký học theo bạn cho vui, tập để giảm cân,... Vì vậy, việc đánh giá đúng thực trạng công tác GDTC của HIU sẽ là cơ sở để xây dựng những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác GDTC cho SV, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả GDTC của nhà trường. Do đó, đề tài tiến hành nghiên cứu đề tài: “Công tác GDTC và thể thao trường học tại Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng”.

Email: koumephuong0710@gmail.com

Quá trình nghiên cứu tác giả đã sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu, phương pháp quan sát sự phạm, phương pháp phỏng vấn tọa đàm, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp toán học thống kê.

2. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giáo dục thể chất của HIU

Cơ sở vật chất (CSVC) luôn một trong những điều kiện cơ bản nhất phục vụ công tác GDTC. Nhìn chung trong những năm qua, việc đầu tư CSVC, trang thiết bị dạy học môn GDTC đã được các cấp lãnh đạo quan tâm nhưng vẫn chưa thể đáp ứng được nhu cầu tập luyện theo sở thích của SV HIU hiện nay. Kết quả đánh giá thực trạng về CSVC và các thiết bị được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1: CSVC và trang thiết bị phục vụ công tác GDTC của HIU năm học 2023-2024

| TT | Cơ sở vật chất | Số lượng | Chất lượng | Mức độ sử dụng |
|----|--|----------|------------|----------------|
| 1 | Sân Bóng đá mini | 02 | Tốt | Thường xuyên |
| 2 | Sân Bóng rổ | 01 | Tốt | Thường xuyên |
| 3 | Sân Cầu lông | 01 | Tốt | Thường xuyên |
| 4 | Sân Bóng bàn | 01 | Khá | Thường xuyên |
| 5 | Phòng Võ | 02 | Tốt | Thường xuyên |
| 6 | Phòng Yoga | 01 | Tốt | Thường xuyên |
| 7 | Phòng Gym | 01 | Tốt | Thường xuyên |
| 8 | Dụng cụ môn Bóng đá: bóng, mắc cơ, khung thành | | Tốt | Thường xuyên |
| 9 | Dụng cụ môn Bóng rổ: bóng, rổ | | Tốt | Thường xuyên |
| 10 | Dụng cụ môn Cầu lông: cầu, vợt, lưới | | Tốt | Thường xuyên |
| 11 | Dụng cụ môn Bóng bàn: bàn, vợt, bóng, lưới. | | Tốt | Thường xuyên |
| 12 | Dụng cụ môn Võ: thảm, ki, kết đá, gương... | | Tốt | Thường xuyên |
| 13 | Dụng cụ môn Yoga: thảm, bóng, gạch, gương, ... | | Tốt | Thường xuyên |
| 14 | Dụng cụ môn Gym: tạ, máy, gương, ... | | Tốt | Thường xuyên |

Qua bảng 1 cho thấy, CSVC, sân bãi, dụng cụ tập luyện của nhà trường tuy đã có đầu tư và tăng về số lượng nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và rèn luyện, giải trí của SV. Diện tích đất, công trình thể thao phục vụ cho tập luyện ngoại khóa còn hạn chế. Mật độ giảng dạy cao dẫn đến sân bãi dụng cụ không đáp ứng đủ. Vì vậy, việc đổi mới và cải tiến phương pháp giảng dạy dựa trên CSVC hiện có của nhà trường là rất cần thiết.

Nhìn chung, qua khảo sát chúng ta có thể thấy chất lượng CSVC phục vụ công tác GDTC của nhà trường còn một số hạn chế nên phần nào đã gây ra ảnh hưởng tới chất lượng GDTC chung của trường. Theo xu thế hiện nay là SV sẽ được tập luyện theo nhu cầu về môn thể thao yêu thích, mặc dù vậy chưa thể đáp ứng hết được theo nguyện vọng SV ở tất cả các môn học GDTC.

2.2. Đội ngũ giảng viên tham gia công tác giáo dục thể chất của HIU

Trong công tác GDTC, giảng viên (GV) giữ vai trò quan trọng, họ là người trực tiếp giảng dạy và truyền thụ kiến thức cho SV, là lực lượng chủ yếu quản lý, tổ chức hoạt động GDTC trong nhà trường, có thể nói đây là nhân tố quyết định đến chất lượng GDTC nói chung và kỹ thuật thực hành các môn thể thao nói riêng. Chất lượng giảng dạy tốt hay xấu, SV có thể tiếp thu kiến thức hay không phụ thuộc rất nhiều vào trình độ, năng lực và kinh nghiệm của GV, bởi người thầy không chỉ giáo dục tri thức cho người học mà còn phải biết giáo dục cả nhân cách, đạo đức và tư duy cho người học để họ có thể hiểu một cách toàn diện và trở thành con người mới có ích cho xã hội.

Thống kê thực trạng đội ngũ GV giảng dạy môn GDTC của HIU được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2: Đội ngũ GV cơ hữu giảng dạy GDTC của HIU năm học 2023-2024

| TT | Nội dung | | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----|---------------------|-------------|----------|---------|
| 1 | Số lượng GV | | 8 | 100 % |
| 2 | Giới tính | Nam | 5 | 62.5 % |
| | | Nữ | 3 | 37.5 % |
| 3 | Thâm niên | Dưới 5 năm | 3 | 37.5 % |
| | | Trên 5 năm | 5 | 62.5 % |
| 4 | Trình độ chuyên môn | Đại học | 0 | 0 % |
| | | Sau Đại học | 8 | 100 % |
| 5 | Trình độ Ngoại ngữ | A | 0 | 0 % |
| | | B | 8 | 100 % |

Qua bảng 2 cho thấy, số lượng GV GDTC của nhà trường nhìn chung là đảm bảo cho công tác đào tạo, nghiên cứu cho SV trong những năm học vừa qua. Về trình độ GV: Hiện nay 100% GV có trình độ thạc sĩ trở lên, 01 GV có trình độ Tiến sĩ. Đây là một thế mạnh để có thể áp dụng khoa học kỹ thuật vào giảng dạy môn học GDTC trong nhà trường. Về trình độ ngoại ngữ đảm bảo theo quy định tiêu chuẩn của bậc GV. Như vậy, về số lượng và trình độ của đội ngũ GV bộ môn GDTC đều đảm bảo cho quá trình đào tạo SV tại HIU.

2.3. Chương trình và nội dung giảng dạy Giáo dục thể chất của HIU

Hiện nay chương trình GDTC áp dụng từ Khóa 2020 trở đi bao gồm: 3 tín chỉ [3] (75 tiết) trong đó có 01 tín chỉ (15 tiết) là nội dung lý thuyết chung GDTC, 02 tín chỉ (60 tiết) là nội dung thực hành (Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bóng bàn, Võ thuật, Gym, Yoga). Ngoài ra, đối với SV Khóa 2019 trở về trước vẫn áp dụng chương trình trước đây gồm 3 học phần GDTC 1, 2, 3. Mỗi học phần có tổng số 30 tiết, trong đó gồm 3 tiết lý thuyết về môn học tự chọn và 27 tiết thực hành kỹ thuật các nội dung cụ thể của môn học tự chọn (Bóng đá, Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bóng bàn, Võ thuật, Gym, Yoga).

Bảng 3: Thời lượng toàn khóa học môn GDTC tại HIU

| Khóa | Học phần | Tính chất | | Môn học | Tín chỉ | Nội dung | | |
|------------------------|----------|-----------|---------|---|---------|-----------|-----------|------|
| | | Bắt buộc | Tự chọn | | | Lý thuyết | Thực hành | Tổng |
| Khóa 2019 trở về trước | GDTC 1 | | √ | Vovinam, Taekwondo, Karatedo, Bóng rổ, Bóng đá, Bóng bàn, Cầu lông, Gym, Yoga | 1 | 0 | 30 | 30 |
| | GDTC 2 | | √ | | 1 | 0 | 30 | 30 |
| | GDTC 3 | | √ | | 1 | 0 | 30 | 30 |
| Khóa 2020 trở đi | GDTC GE | √ | | | 3 | 15 | 60 | 75 |

Số tiết học chính khóa nhìn chung còn ít, nội dung lên lớp chủ yếu là hướng dẫn phương pháp tập luyện cho SV. Qua đó SV có thể tự tập luyện ngoại khóa trong thời gian rảnh rỗi. Vì vậy, việc sắp xếp thời gian ngoại khóa là rất cần thiết, song điều này phụ thuộc rất lớn vào ý thức tự giác cũng như nhận thức về tầm quan trọng của tập luyện thể thao và ý thức rèn luyện sức khỏe của SV.

Bên cạnh đó, trường còn tổ chức các câu lạc bộ TDTT tạo điều kiện cho SV yêu thích TDTT có cơ hội tham gia tập luyện, giao lưu, cọ sát và thi đấu được thể hiện qua bảng 4 như sau:

Bảng 4: Các môn TDTT tại HIU năm học 2023-2024

| TT | Tên môn học | Chuyên ngành | GDTC tự chọn | Câu lạc bộ |
|----|-------------|--------------|--------------|------------|
| 1 | Vovinam | | X | X |
| 2 | Taekwondo | | X | X |
| 3 | Karatedo | | X | |
| 4 | Bóng đá | | X | X |

| | | | | |
|----|-------------|---|---|---|
| 5 | Bóng chuyền | | | X |
| 6 | Bóng rổ | | X | X |
| 7 | Bóng bàn | | X | |
| 8 | Cầu lông | | X | X |
| 9 | Gym | X | X | |
| 10 | Yoga | | X | |

Kết quả ở bảng 4 cho thấy số lượng môn học GDTC tự chọn của HIU rất đa dạng, phong phú, bao gồm 10 môn và 6 câu lạc bộ nên tương đối đáp ứng được nhu cầu, động cơ cũng như sở thích tập luyện TDTT của SV. Ngoài ra, nhà trường luôn khuyến khích bộ môn thành lập thêm nhiều câu lạc bộ TDTT khác để SV có thêm nhiều sân chơi bổ ích, được tham gia thi đấu, đẩy mạnh phong trào TDTT của nhà trường ngày càng phát triển mạnh hơn. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đào tạo môn thể thao chuyên ngành Gym-Fitness với tên gọi chuyên ngành cử nhân GDTC, thời lượng cho 4 năm học gồm 8 học kỳ được thể hiện qua bảng 5 như sau:

Bảng 5: Tổng thời lượng môn chuyên ngành GDTC tại HIU

| Môn TDTT chuyên ngành | Thời gian | | Số tiết | Lý thuyết | Thực hành |
|-----------------------|--------------|-----------------|-----------------|----------------|-----------------|
| | Năm thứ | Học kỳ | | | |
| GYM | Năm thứ nhất | 1 | 60 | 3 | 57 |
| | | 2 | 60 | 3 | 57 |
| | Năm thứ II | 3 | 60 | 3 | 57 |
| | | 4 | 60 | 3 | 57 |
| | Năm thứ III | 5 | 60 | 3 | 57 |
| | | 6 | 60 | 3 | 57 |
| | Năm thứ IV | 7 | 60 | 3 | 57 |
| | | 8 | 60 | 3 | 57 |
| Tổng cộng | 4 năm | 8 học kỳ | 480 tiết | 24 tiết | 456 tiết |

Qua kết quả thể hiện ở bảng 5 cho thấy, HIU cũng rất quan tâm và chú trọng đến công tác TDTT và góp phần đào tạo ra những đội ngũ giáo viên GDTC, những vận động viên, huấn luyện viên TDTT cho nước nhà. Tuy nhiên những năm gần đây, số lượng SV đăng ký thi tuyển vào chuyên ngành GDTC tạm thời dừng lại theo quy định mới của Bộ GD&ĐT cũng phần nào đó làm ảnh hưởng đến thành tích thi đấu cũng như phong trào TDTT của nhà trường.

2.4. Về động cơ, nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của sinh viên HIU

Để đánh giá thực trạng nhu cầu tập luyện TDTT của SV HIU, đề tài tiến hành điều tra 1000 SV (trong đó có 400 SV nữ và 600 SV nam) đang học GDTC năm học 2023-2024 tại HIU về nhu cầu tập luyện TDTT, động cơ tập luyện, các môn thể thao yêu thích, nhu cầu tham gia các câu lạc bộ thể thao và đánh giá về những yếu tố ảnh hưởng tới việc tham gia tập luyện TDTT của SV. Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 6.

Bảng 6: Thực trạng động cơ, nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của SV HIU (n = 1000)

| TT | Nội dung phỏng vấn | Kết quả phỏng vấn | |
|----|--|-------------------|------|
| | | n | % |
| 1 | Nhu cầu tham gia tập luyện TDTT | | |
| | Có nhu cầu tham gia tập luyện | 587 | 58.7 |
| | Ít có nhu cầu tham gia tập luyện | 412 | 41.2 |
| | Không có nhu cầu tham gia tập luyện | 1 | 0.1 |

| | | | |
|---|--|-----|------|
| 2 | Mức độ tham gia tập luyện TDTT có thường xuyên | | |
| | Thường xuyên (từ 3 buổi/tuần trở lên) | 150 | 15 |
| | Không thường xuyên (từ 1 đến 2 buổi/tuần) | 305 | 30.5 |
| | Thỉnh thoảng (1 tới 2 buổi/ tháng) | 545 | 54.5 |
| 3 | Động cơ tập luyện TDTT của bạn là gì? | | |
| | Do yêu thích TDTT | 369 | 36.9 |
| | Do nhận thức được tác dụng của TDTT tới sức khỏe | 194 | 19.4 |
| | Do theo bạn bè | 55 | 5.5 |
| | Do bắt buộc phải học môn GDTC | 382 | 38.2 |
| 4 | Nhu cầu tập luyện môn các môn thể thao ngoại khóa | | |
| | Cầu lông | 162 | 16.2 |
| | Bóng đá | 385 | 38.5 |
| | Võ thuật | 109 | 10.9 |
| | Bóng chuyền | 110 | 11 |
| | Bóng rổ | 99 | 9.9 |
| | Thẻ dục, thẻ hình | 93 | 9.3 |
| | Các môn thể thao khác | 42 | 4.2 |
| 5 | Nhu cầu tham gia các câu lạc bộ thể thao | | |
| | Có | 450 | 45 |
| | Không | 550 | 55 |
| 6 | Những yếu tố nào ảnh hưởng đến nhu cầu tập luyện TDTT ngoại khóa của SV | | |
| | Không yêu thích môn thể thao nào | 114 | 11.4 |
| | Không có thời gian tập | 412 | 41.2 |
| | Không được sự ủng hộ của gia đình, bạn bè | 10 | 1 |
| | Không đủ sân bãi, dụng cụ tập luyện | 283 | 28.3 |
| | Không có GV hướng dẫn | 417 | 41.7 |
| | Không nhận thức được tầm quan trọng của tập luyện TDTT tới sức khỏe | 6 | 0.6 |
| | Sợ tốn kém kinh phí | 40 | 4 |
| | Khoảng cách di chuyển xa | 262 | 26.2 |
| | CSVC nơi tập luyện không đáp ứng | 283 | 28.3 |
| | Do áp lực công việc | 378 | 37.8 |
| | Do thời tiết nóng | 258 | 25.8 |
| | Do tình hình giao thông | 196 | 19.6 |
| | Các nguyên nhân khác | 171 | 17.1 |

Qua bảng 6 cho thấy, đa số SV có nhu cầu tập luyện TDTT, tuy nhiên chưa thường xuyên, chưa tạo thành thói quen tập luyện hàng ngày, hàng tuần. Nhiều SV ý thức được việc tập luyện, nâng cao thể chất nhưng bên cạnh đó cũng còn khá lớn SV không quan tâm nhiều đến chăm sóc sức khỏe, việc học tập, tập luyện chỉ là bắt buộc...

Với "Tình hình giao thông" ngày càng kẹt xe của TP. Hồ Chí Minh như hiện nay, kẹt mọi lúc, mọi nơi và "Thời tiết nóng" đã làm ảnh hưởng rất lớn đến việc tham gia tập luyện TDTT của SV. Do đó dẫn đến việc tập luyện TDTT trong thời tiết nóng, ở các địa điểm tập luyện có "Khoảng cách di chuyển xa" là một trở ngại rất lớn đối với việc tập luyện TDTT của SV. Những nơi các em yêu thích, cảm thấy hài lòng và lựa chọn làm nơi tập luyện thì xa mà tình hình giao thông ở TP. Hồ Chí Minh lại luôn không ổn định, vấn đề kẹt xe là một nỗi ám ảnh của tất cả người dân sống ở TP. Hồ Chí Minh, trong đó có SV nên việc đi đến những địa điểm tập luyện có khoảng cách di chuyển xa và dưới thời tiết ngày càng nóng như hiện nay

là một vấn đề vô cùng khó khăn và nan giải.

Yếu tố CSVC cũng góp phần quan trọng đối với việc đáp ứng nhu cầu và thúc đẩy động cơ tham gia tập luyện TDTT của SV. Theo kết quả thống kê ở bảng 6 từ 1000 SV tham gia khảo sát cho thấy: “CSVCS nơi tập luyện không đáp ứng” đã gây cản trở nhiều, làm ảnh hưởng đến việc tham gia tập luyện TDTT của SV. Bên cạnh đó, SV còn bị “Áp lực công việc” bao gồm: việc học tập tại trường, học thêm Anh văn, Tin học để bổ sung chứng chỉ đảm bảo điều kiện tốt nghiệp. Ngoài ra các em còn đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập trang trải cho việc học, cho cuộc sống đã tạo nên một áp lực không hề nhỏ gây ảnh hưởng và cản trở nhiều đến việc tham gia tập luyện TDTT của SV. Hơn nữa các yếu tố như “Sợ tốn kém kinh phí”, “Không nhận thức được tầm quan trọng của tập luyện TDTT tới sức khỏe”, “Không thích”, ... tuy có ảnh hưởng ít hơn nhưng cũng góp phần làm hạn chế SV tham gia tập luyện TDTT.

Như vậy, đây là vấn đề quan trọng không phải chỉ hiểu được lý do tại sao? Mà còn phải nắm được nguyên nhân gì đã làm hạn chế sự tham gia tập luyện TDTT của SV? Có thể là do không có thời gian rảnh rỗi, khả năng tài chính hoặc do CSVCS, trang thiết bị, dụng cụ,... Trong mỗi trường hợp, đòi hỏi các nhà quản lý TDTT, Ban Giám hiệu nhà trường phải gấp rút đưa ra những giải pháp ngắn hoặc dài hạn áp dụng để giảm bớt sự khó khăn, cản trở, thúc đẩy việc tham gia tập luyện TDTT của SV trong và ngoài nhà trường.

2.5. Về thể chất của sinh viên HIU

Đánh giá trình độ thể lực của SV HIU theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT [2]. Đề tài chọn 4 tiêu chí để đánh giá thể lực cho SV là: Tiêu chí bắt buộc: Bật xa tại chỗ (cm) và chạy tùy sức 5 phút (m); Tiêu chí tự chọn: Chạy 30m XPC (giây) và chạy con thoi 4 x 10m (giây); Kết quả đánh giá được trình bày tại bảng 7.

Bảng 7: Đánh giá trình độ thể lực của SV HIU năm học 2023-2024 theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT

| Test | Xếp loại giới tính | Bật xa tại chỗ (cm) | | Chạy 30m XPC (giây) | | Chạy 5 phút tùy sức (m) | | Chạy con thoi 4x10m (giây) | | Tổng | |
|-----------------------|--------------------|---------------------|--------|---------------------|--------|-------------------------|--------|----------------------------|--------|--------|--------|
| | | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ | Nam | Nữ |
| Quy định của Bộ GD&ĐT | Tốt | > 222 | > 168 | < 4.80 | > 168 | > 1050 | > 930 | < 1180 | <12,10 | | |
| | Đạt | ≥ 205 | ≥ 151 | ≤ 5,80 | ≤ 6,80 | ≥ 940 | ≥ 850 | ≤12,50 | ≤13,10 | | |
| | Tốt | 400 SV | 178 SV | 366 SV | 320 SV | 158 SV | 103 SV | 576 SV | 252 SV | 216 SV | 75 SV |
| | | 66.67 % | 44.5% | 61% | 80 % | 26.33% | 25.67% | 96 % | 63 % | 36.0% | 18.75% |
| | Đạt | 84 SV | 109 SV | 198 SV | 72 SV | 212 SV | 124 SV | 24 SV | 117 SV | 80 SV | 58 SV |
| | | 14% | 27.25% | 33% | 18 % | 35.33% | 31 % | 4 % | 29.33% | 13.33% | 14.5% |
| | Không đạt | 116 SV | 113 SV | 36 SV | 8 SV | 230 SV | 173 SV | 0 SV | 31 SV | 304 SV | 267 SV |
| | | 19.33% | 28.25% | 6% | 2 % | 38.33% | 43.33% | 0 % | 7.67% | 50.67% | 66.75% |

Kết quả xếp loại thể lực của nam SV HIU theo quy định đánh giá thể lực HS, SV của Bộ GD&ĐT là: Xếp loại tốt có 216 SV chiếm 36.0%; Xếp loại đạt có 80 SV chiếm 13.33%; Xếp loại chưa đạt có 304 SV chiếm 50.67%

Kết quả xếp loại thể lực của nữ SV HIU theo quy định đánh giá thể lực HS, SV của BGD&ĐT là: Xếp loại tốt có 75 SV chiếm 18.75%; Xếp loại đạt có 58 SV chiếm 14.5%; Xếp loại chưa đạt có 267 SV chiếm 66.75%. Nhìn chung, trình độ thể lực của SV còn rất yếu.

2.6. Kết quả học tập môn Giáo dục thể chất của sinh viên HIU

Kết quả học tập học phần GDTC của SV tại HIU được đề tài tiến hành tổng hợp điểm thi kết thúc học phần các môn học GDTC năm học 2023-2024 (kết quả kiểm tra lần 1) được trình bày ở bảng 8.

Bảng 8: Kết quả môn học GDTC của SV HIU năm học 2023-2024 (n= 1000)

| Xếp loại | Kết quả | | Nam (n=600) | | Nữ (n=400) | | Tổng | |
|-----------|---------|---------|-------------|---------|------------|--------|------|---|
| | n | % | n | % | n | % | n | % |
| Tốt | 213 | 35.5 % | 110 | 27.5 % | 323 | 32.3 % | | |
| Đạt | 314 | 52.33 % | 205 | 51.25 % | 519 | 51.9 % | | |
| Không đạt | 73 | 12.17 % | 85 | 21.25 % | 158 | 15.8 % | | |

Qua đó ta thấy số SV không đạt về tiêu chuẩn rèn luyện thể lực (ở lần kiểm tra thứ nhất) chiếm tỷ lệ đáng báo động từ 12,17% đến 21.25% (trung bình 15.8%), đặc biệt là ở SV nữ. Đây là con số còn khá cao cần phải được xem xét nghiêm túc và có giải pháp khắc phục.

3. Kết luận

Đánh giá thực trạng công tác GDTC và thể thao trường học tại HIU cho thấy CSVC, phương tiện phục vụ công tác giảng dạy và học tập môn học GDTC còn chưa đầy đủ; đội ngũ GV phục vụ công tác giảng dạy GDTC đa số là trình độ thạc sĩ và chưa đáp ứng đủ số lượng; phần lớn SV chưa có cái nhìn đúng đắn về tầm quan trọng của GDTC cũng như chưa quan tâm nhiều đến sức khỏe của bản thân dẫn đến thái độ và kết quả học tập môn này chưa tốt; phong trào tập luyện TDTT ngoại khóa tại Trường cũng chưa thu hút được nhiều sự quan tâm của SV tham gia tập luyện. Kết quả học tập môn học của SV chủ yếu đạt loại trung bình; Kết quả phân loại thể lực của SV theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể của Bộ GD&ĐT còn ở mức thấp (kết quả kiểm tra lần 1). Điều này chứng tỏ công tác GDTC và thể thao trường học của HIU chưa đạt được mục tiêu đề ra. Từ những hạn chế trên cần tiếp tục nghiên cứu để kịp thời đưa ra những giải pháp khắc phục đúng đắn và hiệu quả, góp phần nâng cao thể lực cho SV HIU nói riêng cũng như nâng cao chất lượng công tác GDTC và thể thao trường học của nhà trường nói chung.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2013 với các nhiệm vụ và giải pháp "Xây dựng và thực hiện Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học"*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008). *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên*.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015). *Thông tư số 25/2015/BGDĐT, ngày 14/10/2015 quy định về chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Công văn số 3833/BGDĐT-GDTC, ngày 23/08/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục thể chất, thể thao và y tế trường học năm học 2019-2020*.
- [5] Chính phủ (2015). *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP, ngày 31/01/2015 về việc Quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*.
- [6] Đỗ Vinh, Huỳnh Trọng Khải (2008). *Giáo trình Thống kê học trong thể dục thể thao*. NXB Thể dục thể thao, Hà Nội.
- [7] Nguyễn Thị Thu Hồng (2021). *Thực trạng công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2*, Tạp chí Khoa học Thể thao, số 06, tr. 89-96.
- [8] Hoàng Diên (2016). *Phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học*. Nguồn: <https://vpcp.chinhphu.vn/phan-trien-giao-duc-the-chat-va-the-thao-truong-hoc-11515300.htm>, ngày 21/6/2016.